

QUY CHẾ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-BGH ngày 7/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)

Phần I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Đối tượng áp dụng là hoạt động nghiên cứu khoa học của các đơn vị trực thuộc, giảng viên, cán bộ, nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học (HV) và sinh viên (SV) Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong các chức năng của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

1. Các Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm, mọi giảng viên, cán bộ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch NCKH và tổ chức, thực hiện nhiệm vụ NCKH hàng năm.

2. Các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động NCKH của NCS, HV và SV trong trường.

Nhà trường khuyến khích NCS, HV, SV và mọi cá nhân trong trường tham gia NCKH, chú trọng nghiên cứu các đề tài khoa học dựa trên cơ sở hợp đồng với các tổ chức ngoài trường.

Điều 3. Mục đích hoạt động nghiên cứu khoa học

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, sứ mạng và tầm nhìn của trường, trách nhiệm NCKH của giảng viên và cán bộ, tạo điều kiện tốt nhất có thể cho hoạt động NCKH, từng bước nâng tầm và vị thế của trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Gắn nhiệm vụ đào tạo và NCKH cho giảng viên và cán bộ.
2. Nâng cao trình độ chuyên môn, tạo động lực NCKH cho giảng viên và cán bộ.
3. Nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý, sản xuất - kinh doanh, khoa học - công nghệ, bảo vệ sức khỏe, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Tăng cường mối liên hệ giữa trường với các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, cơ sở chăm sóc sức khỏe, cơ sở đào tạo,... ngoài trường.

6. Góp phần phát triển các ngành khoa học liên quan đến các chuyên ngành đào tạo của trường.

7. Nâng cao tính sáng tạo, tự học tập, tự NCKH của NCS, HV, SV.

Điều 5. Định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu lý luận khoa học và ứng dụng liên quan trực tiếp đến các chương trình đào tạo và môn học đang giảng dạy trong trường.

2. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề về đào tạo, quản lý, tổ chức, xây dựng và phát triển trường.
3. Nghiên cứu các vấn đề thuộc lý luận và thực tiễn của các lĩnh vực khoa học tiên tiến trong cách mạng công nghiệp 4.0.
4. Nghiên cứu các đề tài nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn theo đơn đặt hàng của các đối tác trong và ngoài trường.
5. Khuyến khích NCS, HV và SV nghiên cứu các đề tài, đề án ứng dụng kiến thức học tập vào thực tế.

Phần II. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 6. Phân cấp trách nhiệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Hiệu trưởng quyết định mọi vấn đề về NCKH của trường.
2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển trường, chiến lược NCKH và đào tạo của trường.
3. Hội đồng thẩm định đề tài cấp trường có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng xét duyệt đề tài và đề cương nghiên cứu (mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu, mức dự toán kinh phí của các đề tài NCKH).
4. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu và kiến nghị mức kinh phí cấp cho đề tài.
5. Hội đồng khoa học cấp Khoa có trách nhiệm xét duyệt đề tài và nội dung nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu các đề tài NCKH cấp Khoa trước khi trình Hội đồng cấp trường.
6. Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về: xây dựng chiến lược, kế hoạch NCKH, quy chế, quy định về quản lý hoạt động NCKH; tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch NCKH, tổ chức Hội đồng cấp trường (thẩm định, nghiệm thu đề tài) xét duyệt, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả; xác nhận thanh toán kết quả NCKH; tổ chức giới thiệu kết quả nghiên cứu, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học - công nghệ; tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động NCKH hàng năm, thực hiện các hoạt động báo cáo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, xử lý vi phạm trong hoạt động NCKH.
7. Các Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm có trách nhiệm tổ chức, quản lý, phối hợp và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân thực hiện nhiệm vụ NCKH do đơn vị đăng ký hoặc được giao; trực tiếp đôn đốc, giám sát, chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn trong các nhiệm vụ NCKH của đơn vị.
8. Viện Đào tạo sau đại học phối hợp với các Khoa, Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức NCKH trong HV và NCS.
9. Các Khoa phối hợp với Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đoàn trường tổ chức NCKH trong SV.
10. Tạp chí khoa học “Kinh doanh và Công nghệ” có trách nhiệm phối hợp trong công tác NCKH và đăng tải các sản phẩm NCKH theo chức năng.

11. Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động NCKH, tạm ứng kinh phí nghiên cứu cho Ban chủ nhiệm đề tài theo đề cương được duyệt và quyết toán khi đề tài hoàn thành được nghiệm thu.

Điều 7. Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, cán bộ

Hoạt động NCKH của giảng viên, cán bộ Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội bám sát định hướng NCKH nêu tại Điều 5 Quy chế này, bao gồm:

1. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp nhà nước, cấp bộ, ngành.
2. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp trường, học viện.
3. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm,... (ở đây gọi chung là cấp Khoa).
4. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH theo hợp đồng với các tổ chức ngoài trường, bao gồm các đề tài hợp tác quốc tế.
5. Nghiên cứu lý luận khoa học về đào tạo.
6. Nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn thuộc các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật.
7. Viết giáo trình cho các môn học trong các chương trình đào tạo của trường.
8. Viết sách chuyên khảo, sách hướng dẫn phục vụ đào tạo.
9. Dịch tài liệu phục vụ đào tạo (được Hội đồng cấp trường thông qua hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học).
10. Viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
11. Tổ chức, hướng dẫn NCS, HV, SV thực hiện đề tài NCKH, đề án khởi nghiệp, đề án kinh doanh.
12. Tổ chức hội thảo khoa học.
13. Tham gia các cuộc thi cấp tỉnh, thành phố, cấp bộ, ngành, cấp quốc gia và quốc tế.

Điều 8. Quyền lợi của người tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học

Quyền lợi của người tham gia hoạt động NCKH được xét theo hai mặt: mức thù lao được hưởng và phần thành tích NCKH được quy đổi thành giờ giảng theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

1. *Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp nhà nước và cấp bộ* (thực hiện theo quy định chung đối với đề tài cấp nhà nước, cấp bộ):

a. Về mức thù lao trong nghiên cứu các đề tài: theo dự toán kinh phí và theo kết quả đánh giá, nghiệm thu từng đề tài.

b. Được xét thành tích NCKH.

2. *Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp trường*. Kinh phí được cấp theo nhiều mức: tối thiểu 15 triệu đồng, tối đa 50 triệu đồng (15, 20, 25, 35, 40 và 50).

a. Về kinh phí để nghiên cứu đề tài: nhà trường duyệt theo từng đề tài, trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định đề tài. Mức kinh phí quyết toán cấp cho đề tài, nhà trường xét duyệt căn cứ vào kết quả nghiệm thu và kết luận của Hội đồng nghiệm thu đề tài.

b. Mức tạm ứng không quá 30% mức kinh phí được duyệt.

c. Ngoài tiền thù lao nghiên cứu nói trên, *đối với các giảng viên* có tham gia đề tài cấp trường, nhà trường khuyến khích tính thành tích giờ giảng được quy đổi (mức quy

đôi giờ giảng ghi tại Điều 9 Quy chế này); chủ nhiệm đề tài sẽ quyết định phân chia thành tích về giờ giảng cho các thành viên là giảng viên tham gia đề tài. Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao. Số giờ giảng được quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong diện trả thù lao giờ giảng.

3. *Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Khoa.* Kinh phí được cấp theo nhiều mức: tối thiểu 5 triệu đồng, tối đa 14 triệu đồng (5, 8, 11, 14).

a. Về kinh phí để nghiên cứu đề tài: nhà trường duyệt theo từng đề tài, trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định đề tài. Mức kinh phí quyết toán đề tài, nhà trường xét duyệt căn cứ vào kết quả nghiệm thu và kết luận của Hội đồng nghiệm thu đề tài.

b. Mức tạm ứng không quá 30% mức kinh phí được duyệt.

c. Ngoài tiền thù lao nghiên cứu nói trên, *đối với các giảng viên có tham gia đề tài cấp khoa*, nhà trường khuyến khích tính thành tích giờ giảng được quy đổi (mức quy đổi giờ giảng ghi tại Điều 9 Quy chế này); chủ nhiệm đề tài sẽ quyết định phân chia thành tích về giờ giảng cho các thành viên là giảng viên tham gia đề tài. Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao. Số giờ giảng được quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong diện trả thù lao giờ giảng.

4. *Đối với các đề tài các đơn vị tự bỏ kinh phí*, sau khi được Hội đồng cấp trường đánh giá, nghiệm thu, thì những giảng viên tham gia đề tài được ghi thành tích về giờ giảng quy đổi như mức quy định đối với đề tài cấp khoa.

5. *Đối với việc viết bài đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo khoa học* (dưới danh nghĩa giảng viên của trường), ngoài thù lao, nhuận bút do các tạp chí, các tổ chức sử dụng các sản phẩm đó chi trả, tác giả được ghi thành tích NCKH, tác giả là giảng viên được tính thành tích giờ giảng (ghi trong Phần II, Điều 9 Quy chế này). Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao giảng dạy. Mức giờ giảng quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong diện trả thù lao giờ giảng.

6. *Đối với việc hướng dẫn NCS, HV, SV thực hiện đề tài NCKH, đề án khởi nghiệp, đề án kinh doanh, người hướng dẫn được hưởng thù lao hướng dẫn, mức thù lao tính như sau:* số tiết lấy theo bảng trên (Mục III, Điều 9 Quy chế này) nhân với mức thù lao giờ giảng của người hướng dẫn, đồng thời người hướng dẫn được tính thành tích giờ giảng như quy định trên.

7. *Các quyền lợi khác:*

- Nhà trường hỗ trợ một phần phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả tùy theo ý nghĩa và tính chất của đề tài (mức hỗ trợ được xét cho từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học cấp trường);

- Mức độ thực hiện nhiệm vụ NCKH là một tiêu chí quan trọng trong việc xét nâng bậc thù lao giảng dạy và xét khen thưởng hàng năm đối với giảng viên và cán bộ NCKH;

- Giảng viên, cán bộ hai năm liền không có thành tích NCKH sẽ không được nhà trường xét khen thưởng và xem xét trong đánh giá giảng viên, cán bộ NCKH.

Điều 9. Quy đổi các sản phẩm hoạt động nghiên cứu khoa học thành số giờ giảng dạy (áp dụng cho giảng viên).

TT	Nội dung nghiên cứu khoa học	Quy ra tiết giảng
I	Đề tài nghiên cứu khoa học	
1	Đề tài cấp nhà nước, cấp bộ	Quy định riêng cho từng đề tài
2	Đề tài cấp trường	Tối thiểu 100 tiết/đề tài, tối đa không quá 150 tiết/đề tài
3	Đề tài cấp Khoa	Tối thiểu 40 tiết/đề tài, tối đa không quá 100 tiết/đề tài
II	Viết bài đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo khoa học (dưới danh nghĩa giảng viên của trường) (Mức quy đổi tính cho bài báo có từ 4 trang - 2000 từ trở lên)	
1	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Khoa Viện, Phòng, Trung tâm (có phát hành cấp trường hoặc trưng trưng)	8 tiết/bài
2	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Trường (có xuất bản)	10 tiết/bài
3	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Bộ (có xuất bản)	15 tiết/bài
4	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia, quốc tế (có xuất bản)	20 tiết/bài
5	Bài viết đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (có xuất bản)	30 tiết/bài
6	Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (cho bài viết có hệ số 1 ; có xuất bản)	20 tiết/bài
7	Bài viết có các hệ số 0,5 đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (có xuất bản)	15 tiết/bài
8	Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành không thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (có xuất bản, có trong danh mục ISI, SCI, SCIE)	10 tiết/bài
III	Hướng dẫn NCS, HV, SV thực hiện đề tài Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về Đề tài NCKH, đề án khởi nghiệp, đề án kinh doanh	
1	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của SV, dự án kinh doanh, khởi nghiệp	8 tiết/1 đề tài, dự án
2	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của SV được giải nhất cấp trường	10 tiết/1 đề tài
3	Hướng dẫn HV thực hiện đề tài NCKH (ngoài đề tài Luận văn đã có quy định riêng)	15 tiết/1 đề tài
4	Hướng dẫn NCS thực hiện đề tài NCKH (ngoài đề tài Luận án đã có quy định riêng)	50 tiết/1 đề tài
IV	Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về đề tài nghiên cứu khoa học	

Điều 10. Quy định đối với những đề tài thắng thầu

Đối với những đề tài NCKH ngoài trường mà các đơn vị hoặc giảng viên, cán bộ của trường tham gia đấu thầu và thắng thầu:

- Thủ trưởng đơn vị thắng thầu (trong trường hợp đơn vị thầu) hoặc cá nhân thắng thầu lựa chọn chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu;
- Kinh phí nghiên cứu đề tài do cơ quan quản lý đề tài (mời thầu) cấp, chủ nhiệm đề tài và các thành viên được miễn trích kinh phí cho nhà trường;
- Những người tham gia đề tài được ghi thành tích NCKH.

Phần III. ĐĂNG KÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 11. Đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường

1. Hàng năm, trên cơ sở đánh giá kết quả NCKH của thời gian trước, các đơn vị và các cán bộ, giảng viên (dưới đây gọi chung là cán bộ nghiên cứu) đăng ký kế hoạch và đề tài NCKH của đơn vị mình và của cá nhân trước ngày 30 tháng 9 cho học kỳ 1 và trước ngày 30 tháng 11 cho học kỳ 2 của năm học.

Kế hoạch NCKH của đơn vị và cá nhân bao gồm các đề tài, đề án, dự án, hội thảo,... (như Điều 8) nghiên cứu mới hoặc phần công việc của đề tài năm trước còn cần thực hiện tiếp trong năm kế hoạch.

Đối với những đề tài, đề án, dự án, hội thảo,... không thuộc trường quản lý, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo về Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục để trường theo dõi, đánh giá thành tích NCKH.

2. Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục tham mưu lập Hội đồng xét duyệt đề tài, đề án, dự án, hội thảo,... và trình kết luận của Hội đồng xét duyệt để Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 12. Nội dung đăng ký đề tài đề án, dự án, hội thảo,... bao gồm:

A. Đối với các đề tài NCKH đăng ký mới: (theo mẫu đầy đủ trong phần Phụ lục 1), cần làm rõ các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đề tài.
2. Chủ nhiệm (hoặc người chủ trì) đề tài; địa chỉ liên hệ.
3. Những người tham gia chính.
4. Cấp của đề tài.
5. Mục đích nghiên cứu.
6. Nội dung chủ yếu dự kiến nghiên cứu.
7. Tình hình tiếp cận các vấn đề dự kiến nghiên cứu ở trong nước và trên thế giới hiện nay.
8. Sản phẩm nghiên cứu của đề tài và dự kiến hình thức công bố sản phẩm.
9. Tổ chức sử dụng sản phẩm nghiên cứu.
10. Thời hạn bắt đầu, kết thúc và các bước nghiên cứu đề tài.
11. Dự toán kinh phí nghiên cứu đề tài (theo mẫu dự toán ở Phụ lục 2).

B. Đối với các đề tài NCKH chuyển tiếp sang năm kế hoạch:

Nêu rõ những thay đổi trong các nội dung phần A.

C. Đối với các đề tài NCKH không do trường quản lý (báo cáo để kê khai thành tích NCKH), trong báo cáo chỉ nêu:

1. Tên đề tài.
2. Chủ nhiệm đề tài.
3. Cấp quản lý đề tài.
4. Thời gian bắt đầu và kết thúc nghiên cứu đề tài.
5. Những người tham gia nghiên cứu đề tài.
6. Sản phẩm, kết quả nghiên cứu.

Phần IV. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH, HỌC VIÊN CAO HỌC VÀ SINH VIÊN

Điều 13. Mục đích nghiên cứu khoa học trong NCS, HV, SV (gọi chung là người học) là nhằm rèn luyện năng lực nghiên cứu, phát triển tư duy và nâng cao hơn kiến thức chuyên sâu của môn học và ngành học.

Điều 14. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học do các Khoa, Viện, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đoàn thanh niên, các giảng viên tổ chức, hướng dẫn.

Điều 15. Đối với đề tài nghiên cứu khoa học của người học, các thủ tục đăng ký đề tài, xét duyệt, cấp kinh phí và nghiệm thu kết quả nghiên cứu được thực hiện theo các quy định chung như các đề tài nghiên cứu khoa học khác trong trường.

Phần V. NGHIỆM THU KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 16. Theo tiến độ đã duyệt, Chủ nhiệm đề tài nộp kết quả nghiên cứu khoa học về Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục, chậm nhất 15 ngày, sau khi chủ nhiệm đề tài gửi báo cáo kết quả NCKH, Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục phải tham mưu để thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả NCKH của từng đề tài.

Điều 17. Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học đánh giá theo các nội dung chính sau:

Đánh giá kết quả theo 4 mức: Xuất sắc; Khá; Đạt; Không đạt.

Mức *đánh giá* được chấp nhận là mức đạt số phiếu từ 70 % thành viên Hội đồng.

- Mức kinh phí đề nghị nhà trường cấp (dựa vào quy định hiện hành về mức kinh phí được cấp cho các loại đề tài NCKH của nhà trường);

- Mức thưởng (nếu có);

- Những kiến nghị đối với nhà trường và với chủ nhiệm đề tài NCKH.

Phần VI. KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 18. Kinh phí nghiên cứu khoa học của nhà trường được hình thành từ các nguồn:

- Quỹ NCKH: Trường trích tối thiểu 2% tổng thu của năm học để lập Quỹ NCKH;

- Nguồn kinh phí từ hoạt động NCKH với các đối tác;
- Nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 19. Mức kinh phí cho từng đề tài nghiên cứu khoa học

- Kinh phí được tách thành 2: Phần thù lao nghiên cứu (chi phí nhân công) và phần chi phí vật tư, vật liệu (nếu có);
- Phần chi phí vật tư, vật liệu dùng cho nghiên cứu do chủ nhiệm đề tài lập, Hội đồng xét duyệt đề tài đề nghị, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 20. Việc quyết toán kinh phí nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học căn cứ vào mức đánh giá của Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài, theo các mức sau:

1. Không đạt: cấp 30% mức kinh phí được duyệt giành cho phần thù lao nghiên cứu của đề tài (còn chi phí cho phần nguyên vật liệu đã chi được coi như chi phí rủi ro và được quyết toán theo số thực chi).
2. Đạt: cấp 100% kinh phí được duyệt của đề tài.
3. Khá: 100% mức kinh phí nghiên cứu được duyệt của đề tài cộng thưởng 10% mức kinh phí đã được duyệt cho phần thù lao nghiên cứu.
4. Xuất sắc: cấp 100% mức kinh phí nghiên cứu được duyệt của đề tài cộng thưởng 20% mức kinh phí nghiên cứu đã được duyệt giành cho phần thù lao nghiên cứu.
5. Khi đề tài bị đánh giá “không đạt” (mục 1 điều này), phần thành tích giờ giảng chỉ được hưởng 50% mức qui đổi ghi tại Điều 9 Quy chế này.
6. Khi đề tài được đánh giá “Khá” hoặc “Xuất sắc” (mục 3 và mục 4 điều này) thành tích về giờ giảng không điều chỉnh tăng.
7. Ứng trước kinh phí: Mức ứng trước cho một đề tài cấp không vượt quá 30 % kinh phí được duyệt của đề tài, việc cấp kinh phí tiếp theo được thực hiện theo tiến độ được duyệt trong kế hoạch nghiên cứu.

Phần VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế nghiên cứu khoa học này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến tới các đơn vị, giảng viên, cán bộ và người học trong toàn Trường để triển khai thực hiện.

Các Ông/Bà Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và toàn thể giảng viên, cán bộ trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này./.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



TS. Đỗ Quế Lượng